

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC BÀI KIỂM TRA - HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2023 - 2024

KHỐI 6

Thời gian		Ngữ văn	Lịch sử và Địa lý	Giáo dục Công dân	Tiếng Anh	Toán	Khoa học tự nhiên	Công nghệ	Tin học	Nghệ thuật	Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	Hoạt động trải nghiệm
Tuần học	Từ ngày .. đến ngày												
1	15/01-20/01	ĐGTX-L1 Hỏi đáp (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L1 Hỏi đáp (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L1 Hỏi đáp (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L1 Speaking + Quá trình học tập + LMS (Cả học kỳ)	ĐGTX-L1 Quá trình học trực tiếp và LMS (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L1 Quá trình học trực tiếp và LMS (Cả Học kỳ)		ĐGTX-L1 Quá trình học trực tiếp và LMS (Cả Học kỳ)				
2	22/01-27/01												
3	29/01-02/02	ĐGTX-L2 Viết (TL)	ĐGTX-L2 Kiểm tra viết (Tự luận)		KTTX-L1 Viết (TN:TL = 6:4)		ĐGTX-L2 TN: TL=4 : 6			ĐGTX-L1 Thực hành			
4	19/02-24/02			ĐGTX-L2 Tiểu phẩm					DGTX-L2 Trắc nghiệm		ĐGTX-L1 Thực hành		
5	26/02-02/3	ĐGTX-L3 Viết (TL)	ĐGTX-L3 Sản phẩm (vẽ tranh)			ĐGTX-L2 Tự luận: Từ bài 1 đến bài 4 phần số học	ĐGTX-L3 Thực hành					ĐGTX-L1 Sản phẩm học tập	ĐGTX-L1 Sản phẩm học tập
6	04/3-09/3				KTTX-L2 Bài tập/ Sản phẩm học tập								
7	11/3-16/3		ĐGTX-L4 Kiểm tra viết (trắc nghiệm)			ĐGTX-L3 Tự luận: Từ bài 5; 6 phần số học	ĐGTX-L4 TN: TL=4 : 6	ĐGTX-L1 Sản phẩm học tập					
8	18/3-23/3	Kiểm tra đánh giá giữa kỳ II (dự kiến)											
9	25/3-30/3												
10	01/4-06/4				KTTX-L3 Viết (TN:TL = 6:4)					ĐGTX-L2 Thực hành			ĐGTX-L2 Sản phẩm học tập
11	08/4-13/4	ĐGTX-L4 Thuyết trình nhóm			KT Nói HK2 tại lớp	ĐGTX-L4 Tự luận: Đường thẳng; Đoạn thẳng; Tia; trung điểm của đoạn thẳng.		ĐGTX-L2 Quá trình học tập (Cả học kỳ)			ĐGTX-L2 Thực hành	ĐGTX-L2 Sản phẩm học tập	
12	15/4-20/4	Kiểm tra đánh giá cuối kỳ II (Thời gian và hình thức kiểm tra theo hướng dẫn của Phòng GD&ĐT)											
13	22/4-27/4												

TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC BÀI KIỂM TRA - HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2023 - 2024

KHỐI 6

Thời gian		Ngữ văn	Lịch sử và Địa lý	Giáo dục Công dân	Tiếng Anh	Toán	Khoa học tự nhiên	Công nghệ	Tin học	Nghệ thuật	Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	Hoạt động trải nghiệm
Tuần học	Từ ngày .. đến ngày												
14	29/4-04/5												
15	06/5-11/5												
16	13/5-18/5												
17	20/5-25/5												

Số điểm đánh giá trong học kỳ 2 của các môn học

STT	Môn học	Số tiết/năm	Số điểm ĐGTX	Số điểm ĐGGK	Số điểm DGCK
1	Ngữ văn	140	4	1	1
2	Lịch sử và Địa lý	105	4	1	1
3	Giáo dục Công dân	35	2	1	1
4	Tiếng Anh	105	4	1	1
5	Toán	140	4	1	1
6	Khoa học tự nhiên	140	4	1	1
7	Công nghệ	35	2	1	1
8	Tin học	35	2	1	1
9	Nghệ thuật	70	2	1	1
10	Giáo dục thể chất	70	2	1	1
11	Giáo dục địa phương	35	2	1	1
12	Hoạt động trải nghiệm	105	2	1	1

Ghi chú: ĐGTX: Đánh giá thường xuyên
ĐGGK: Đánh giá giữa kỳ
DGCK: Đánh giá cuối kỳ
TN: Trắc nghiệm
TL: Tự luận
L1; L2; L3; L4: Lần 1, Lần 2, Lần 3, Lần 4
Tỉ lệ 5:5 là tỉ lệ điểm của trắc nghiệm và tự luận

Tân Bình, ngày 17 tháng 01 năm 2024
HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Trinh

KHỎI 7

Thời gian		Ngữ văn	Lịch sử và Địa lý	Giáo dục Công dân	Tiếng Anh	Toán	Khoa học tự nhiên	Công nghệ	Tin học	Nghệ thuật	Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	Hoạt động trải nghiệm
Tuần học	Từ ngày .. đến ngày												
1	15/01-20/01	ĐGTX-L1 Hỏi đáp (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L1 Hỏi đáp (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L1 Hỏi đáp (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L4 Speaking + Quá trình học tập (Cả học kỳ)	ĐGTX-L1 Quá trình học trực tiếp và LMS (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L1 Quá trình học trực tiếp và LMS (Cả Học kỳ)		ĐGTX-L1 Quá trình học trực tiếp và LMS (Cả Học kỳ)				ĐGTX-L1 Sản phẩm học tập
2	22/01-27/01												
3	29/01-02/02		ĐGTX-L2 Kiểm tra viết (Tự luận)							ĐGTX-L1 Thực hành			
4	19/02-24/02			ĐGTX-L2 Thuyết trình			ĐGTX-L2 TL 100%		ĐGTX-L2 Thực hành		ĐGTX L1 Thực hành	ĐGTX-L1 (Sản phẩm học tập)	
5	26/02-02/3	ĐGTX-L2 Viết (Bài 6)	ĐGTX-L3 Sản phẩm (Video)		KTTX-L1 Viết (TN:TL = 6:4)	KTTX-L2, Đại số -Tự Luận	ĐGTX-L3 Thuyết trình						ĐGTX-L2 Sản phẩm học tập
6	04/3-09/3				KTTX-L2 Bài tập/ Sản phẩm học tập								
7	11/3-16/3	ĐGTX-L3 Viết (Bài 7)	ĐGTX-L4 Kiểm tra viết (trắc nghiệm)			KTTX-L3, Hình học -Tự Luận		ĐGTX-L1 Sản phẩm học tập			ĐGTX L2 Thực hành		
8	18/3-23/3	 <i>Kiểm tra đánh giá giữa kỳ II (dự kiến)</i>											
9	25/3-30/3												
10	01/4-06/4	ĐGTX-L4 Thuyết trình (Bài 8)			KTTX-L3 Viết (TN:TL = 6:4)		ĐGTX-L4 Thực hành			ĐGTX-L2 Thực hành			
11	08/4-13/4				KT Nói HK2 tại lớp	KTTX-L4, Đại số -Tự Luận		ĐGTX-L2 Quá trình học tập (Cả học kỳ)				ĐGTX-L2 (Sản phẩm học tập)	
12	15/4-20/4	<i>Kiểm tra đánh giá cuối kỳ II</i> <i>(Thời gian và hình thức kiểm tra theo hướng dẫn của Phòng GD&ĐT)</i>											
13	22/4-27/4												

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC BÀI KIỂM TRA - HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2023 - 2024

KHỐI 7

Thời gian		Ngữ văn	Lịch sử và Địa lý	Giáo dục Công dân	Tiếng Anh	Toán	Khoa học tự nhiên	Công nghệ	Tin học	Nghệ thuật	Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	Hoạt động trải nghiệm
Tuần học	Từ ngày .. đến ngày												
14	29/4-04/5												
15	06/5-11/5												
16	13/5-18/5												
17	20/5-25/5												

Số điểm đánh giá trong học kỳ 2 của các môn học

STT	Môn học	Số tiết/năm	Số điểm ĐGTX	Số điểm ĐGGK	Số điểm ĐGCK
1	Ngữ văn	140	4	1	1
2	Lịch sử và Địa lý	105	4	1	1
3	Giáo dục Công dân	35	2	1	1
4	Tiếng Anh	105	4	1	1
5	Toán	140	4	1	1
6	Khoa học tự nhiên	140	4	1	1
7	Công nghệ	35	2	1	1
8	Tin học	35	2	1	1
9	Nghệ thuật	70	2	1	1
10	Giáo dục thể chất	70	2	1	1
11	Giáo dục địa phương	35	2	1	1
12	Hoạt động trải nghiệm	105	2	1	1

Ghi chú: ĐGTX: Đánh giá thường xuyên

ĐGGK: Đánh giá giữa kỳ

ĐGCK: Đánh giá cuối kỳ

TN: Trắc nghiệm

TL: Tự luận

L1; L2; L3; L4: Lần 1, Lần 2, Lần 3, Lần 4

Tỉ lệ 5:5 là tỉ lệ điểm của trắc nghiệm và tự luận

Tân Bình, ngày 17 tháng 01 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

(Signature)

Phạm Thị Trịnh

KHỐI 8

Thời gian		Ngữ văn	Lịch sử và Địa lý	Giáo dục Công dân	Tiếng Anh	Toán	Khoa học tự nhiên	Công nghệ	Tin học	Nghệ thuật	Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	Hoạt động trải nghiệm
Tuần học	Từ ngày .. đến ngày												
1	15/01-20/01	ĐGTX-L1 Hỏi đáp (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L1 Hỏi đáp (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L1 Hỏi đáp (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L4 Speaking + Sản phẩm học tập (Cả học kỳ)	ĐGTX-L1 Quá trình học trực tiếp và LMS (Cả Học kỳ)	ĐGTX-L1 Quá trình học trực tiếp và LMS (Cả Học kỳ)		ĐGTX-L1 Quá trình học trực tiếp và LMS (Cả Học kỳ)				
2	22/01-27/01												
3	29/01-02/02		ĐGTX-L2 Kiểm tra viết (Tự luận)				ĐGTX-L2 TL 100%			ĐGTX-L1 Thực hành			
4	19/02-24/02	DGTX-L2 Viết		ĐGTX-L2 Thuyết trình				ĐGTX-L1 Chủ đề: Cơ khí (sản phẩm học tập)	ĐGTX-L2 Thực hành		ĐGTX-L1 Thực hành		ĐGTX - L1 Sản phẩm
5	26/02-02/3		ĐGTX-L3 Kiểm tra viết (trắc nghiệm)		KTTX-L1 Viết (TN:TL = 6:4)	ĐGTX-L2 Kiểm tra viết	ĐGTX-L3 Thực hành						
6	04/3-09/3												
7	11/3-16/3	ĐGTX-L3 Viết	ĐGTX-L4 Sản phẩm (vẽ tranh)		KTTX-L2 Bài tập/ Sản phẩm học tập	ĐGTX-L3 Kiểm tra viết	ĐGTX-L4 TN: TL=4 : 6	ĐGTX-L2 Chủ đề: An toàn điện (TH)					ĐGTX - L2 Sản phẩm
8	18/3-23/3	 Kiểm tra đánh giá giữa kỳ II (dự kiến)											
9	25/3-30/3												
10	01/4-06/4	ĐGTX- L4 (Thuyết trình theo nhóm)			KTTX-L3 Viết (TN:TL = 6:4)			ĐGTX-L3 Chủ đề: Kỹ thuật điện (sản phẩm học tập)		ĐGTX-L2 Thực hành			
11	08/4-13/4				KT Nói HK2 tại lớp	ĐGTX-L4 Kiểm tra viết					ĐGTX-L2 Thực hành		
12	15/4-20/4	Kiểm tra đánh giá cuối kỳ II (Thời gian và hình thức kiểm tra theo hướng dẫn của Phòng GD&ĐT)											
13	22/4-27/4												

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC BÀI KIỂM TRA - HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2023 - 2024

KHỐI 8

Thời gian		Ngữ văn	Lịch sử và Địa lý	Giáo dục Công dân	Tiếng Anh	Toán	Khoa học tự nhiên	Công nghệ	Tin học	Nghệ thuật	Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	Hoạt động trải nghiệm
Tuần học	Từ ngày .. đến ngày												
14	29/4-04/5												
15	06/5-11/5												
16	13/5-18/5												
17	20/5-25/5												

Số điểm đánh giá trong học kỳ 2 của các môn học

STT	Môn học	Số tiết/năm	Số điểm ĐGTX	Số điểm ĐGCK	Số điểm ĐGCK
1	Ngữ văn	140	4	1	1
2	Lịch sử và Địa lý	105	4	1	1
3	Giáo dục Công dân	35	2	1	1
4	Tiếng Anh	105	4	1	1
5	Toán	140	4	1	1
6	Khoa học tự nhiên	140	4	1	1
7	Công nghệ	52	3	1	1
8	Tin học	35	2	1	1
9	Nghệ thuật	70	2	1	1
10	Giáo dục thể chất	70	2	1	1
11	Giáo dục địa phương	35	2	1	1
12	Hoạt động trải nghiệm	105	2	1	1

Ghi chú: ĐGTX: Đánh giá thường xuyên

ĐGCK: Đánh giá giữa kỳ

ĐGCK: Đánh giá cuối kỳ

TN: Trắc nghiệm

TL: Tự luận

L1; L2; L3; L4: Lần 1, Lần 2, Lần 3, Lần 4

Tỉ lệ 5:5 là tỉ lệ điểm của trắc nghiệm và tự luận

Tân Bình, ngày 17 tháng 01 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Trịnh

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC BÀI KIỂM TRA - HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2023 - 2024

KHỐI 9

[illegible]

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC BÀI KIỂM TRA - HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2023 - 2024

KHỐI 9

Thời gian		Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	Giáo dục Công dân	Tiếng Anh	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Công nghệ	Tin học	Âm nhạc	Giáo dục thể chất
Tuần học	Từ ngày .. đến ngày													
15	06/5-11/5													
16	13/5-18/5													
17	20/5-25/5													

Số điểm đánh giá trong học kỳ 2 của các môn học

STT	Môn học	Số tiết/năm	Số điểm ĐGTX	Số điểm ĐGCK	Số điểm ĐGCK
1	Ngữ văn	175	4	1	1
2	Lịch sử	52.5	3	1	1
3	Địa lý	52.5	3	1	1
4	Giáo dục Công dân	35	2	1	1
5	Tiếng Anh	70	3	1	1
6	Toán	140	4	1	1
7	Vật lý	70	3	1	1
8	Hóa học	70	3	1	1
9	Sinh học	70	3	1	1
10	Công nghệ	35	2	1	1
11	Tin học	70	3	1	1
12	Âm nhạc (HKII)	35	2	1	1
13	Mỹ thuật (HKI)	35	-	-	-
14	Giáo dục thể chất	70	3	1	1

Ghi chú: ĐGTX: Đánh giá thường xuyên

ĐGCK: Đánh giá giữa kỳ

ĐGCK: Đánh giá cuối kỳ

TN: Trắc nghiệm

TL: Tự luận

L1; L2; L3; L4: Lần 1, Lần 2, Lần 3, Lần 4

Tỉ lệ 5:5 là tỉ lệ điểm của trắc nghiệm và tự luận

Tân Bình, ngày 17 tháng 01 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Trinh